

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15/5/2020

“V/v tranh chấp ly hôn giữa chị D và
anh M”

NHÂN D

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần D Bảo

2. Bà Phạm Thị Thúy Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, và thông báo về thay đổi thời gian xét xử số 18/TB-TA ngày 01 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị D sinh năm 1978

- Bị đơn: Anh Vũ Văn M sinh năm 1972

Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã AT, huyện P, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt chị D, anh M vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 02/12/2019, bản tự khai ngày 23/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đoàn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn M tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT vào ngày 15/02/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh M. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc hòa thuận đến tháng 5/2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M có tính đa nghi, tiết kiệm quá, không tin tưởng vợ con, không chăm lo cho gia đình, dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần vợ chồng mâu thuẫn, anh M đã đánh chị. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 10/2019, anh M đã vút đồ đạc của chị và đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà, cũng thời gian đó vợ chồng ly thân. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không còn, chị xin ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Thị Thu H sinh ngày 14/6/2001. Ly hôn, con chung đã trưởng thành không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn M vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải anh M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Đoàn Thị D đã trình bày là đúng. Theo anh vợ chồng không có gì là mâu thuẫn lớn, tháng 10/2019 anh có đồ đạc của chị và các con ra khỏi nhà, cũng thời gian đó vợ chồng ly thân. Nay chị D có đơn ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau dạy con chung, xây dựng gia đình hạnh phúc, hòa thuận tiến bộ nhưng nếu chị D một mực xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị Đoàn Thị D đã trình bày. Ly hôn, con chung đã trưởng thành không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh với cơ sở thôn T, xã AT thấy: Chị Đoàn Thị D và anh Vũ Văn M là vợ chồng, quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, cơ sở thôn đã nhiều lần hòa giải để chị D anh M đoàn tụ, gần đây anh M đã đồ đạc của chị D và các con ra khỏi nhà, từ tháng 10/2019 đến nay chị D đã thuê nhà ra ở riêng không ở chung với anh M nữa. Nay chị D có đơn xin ly hôn, cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị D và anh M có 01 con chung là Vũ Thị Thu Hằng sinh ngày 14/6/2001, đã trưởng thành không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Về tài sản chung: cơ sở thôn không rõ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến nhận xét về việc tuân theo pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: xử cho chị Đoàn Thị D được ly hôn anh Vũ Văn M; Về con chung: chị D và anh M có 01 con chung là Vũ Thị Thu H sinh ngày 14/6/2001, đã trưởng thành không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng; về tài sản chung không đặt ra giải quyết; Về án phí: chị D phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị D khởi kiện ly hôn với anh Vũ Văn M. Do anh M là bị đơn, cư trú tại Thôn T, xã AT, huyện P, tỉnh Thái Bình nên TAND huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn Thị D và anh Vũ Văn M được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp giấy đăng ký kết hôn số 08 ngày 15/02/2000 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh M, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc hòa thuận đến tháng 5/2005 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh M có tính đa nghi tiết kiệm, không tin tưởng vợ con, mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 10/2019 anh M đã để đồ đạc của mẹ con chị D ra khỏi nhà, cũng thời gian đó vợ chồng ly thân. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh M, anh M muốn đoàn tụ nhưng nếu chị D một mực xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Mặc dù anh M đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án có mặt tại phiên hòa giải nhưng không ký tên và biên bản. Như vậy, anh M không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, hơn nữa thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, điều đó chứng tỏ hôn nhân của anh, chị thực tế chỉ tồn tại về mặt hình thức, anh, chị thực sự không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Đoàn Thị D và anh Vũ Văn M có 01 con chung là Vũ Thị Thu H sinh ngày 14/6/2001. Ly hôn, con chung đã trưởng thành không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị D và anh Vũ Văn M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Đoàn Thị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị D và anh Vũ Văn M có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị D được ly hôn anh Vũ Văn M.
2. Về con chung: Chị Đoàn Thị D và anh Vũ Văn M có 01 con chung là Vũ Thị Thu H sinh ngày 14/6/2001, đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.
3. Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị D và anh Vũ Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị Đoàn Thị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị D đã nộp theo biên lai thu số 0004251 ngày 23 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Vũ Văn M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- UBND xã AT, h.P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)